

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ QUAO
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2023/DSST

Ngày: 16-3-2023

“V/v Tranh chấp kiện đòi lại tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoài Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lương Thị Hồng Hạnh;

2. Ông Võ Văn Liêm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên tòa: Ông Danh Vũ Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 198/2022/TLST-DS ngày 27/12/2022 về việc “Tranh chấp kiện đòi lại tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2023/QĐXXST-DS, ngày 22 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Cao Ngọc N - sinh năm 1954 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện G, tỉnh K.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Đ - sinh năm 1966 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/12/2022 và tại phiên tòa nguyên đơn ông Cao Ngọc N trình bày: Tôi với bà Đ có quan hệ là bạn bè nhưng sau đó tôi với bà Đ có tình cảm với nhau từ năm 2021 đến khoảng tháng 3/2022 thì không còn tình cảm nữa. Về số tiền tiết kiệm mà tôi rút ra là 95.550.000 đồng thì tôi giao cho bà Đ giữ hết. Sau đó, tôi trả tiền Ngân hàng hết 22.000.000 đồng vốn và lãi còn lại 73.550.000 đồng thì tôi đưa cho bà Đ giữ dùm hết luôn. Sau đó, vài ngày con gái bà Đ là T hỏi mượn 50.000.000 đồng thì tôi nói tiền bà Đ giữ nên gặp bà Đ lấy còn bà Đ có đưa tiền cho con bà hay không thì tôi không biết. Do tôi với bà Đ có tình cảm nhau nên tôi mới đưa cho bà Đ giữ dùm số tiền này. Đồng thời, bà Đ có mua 04 chỉ vàng 24k với số tiền là 23.550.000 đồng nên bà Đ đưa cho tôi 03 chỉ và bà còn giữ 01 chỉ. Sau đó, đến tháng 8/2022 tôi hỏi bà Đ số tiền con bà mượn tôi là 50.000.000 đồng và 01 chỉ vàng 24k bà giữ thì bà trả lời khi nào có se trả cho tôi nhưng con bà Đ cầm cây ra định đánh tôi và chửi tôi, lúc đó có mặt Ban lãnh đạo ấp V nên khuyên tôi về. Sau đó, tôi nhờ chính quyền địa phương giải quyết nhưng không thành.

Do đó, tôi xác định là tôi có cho bà Đ mượn tiền và vàng nêu trên chứ không có cho bà Đ như bà trình bày mà do bà tự bịa đặt ra là tôi cho tiền và vàng bà. Việc bà Đ nói tôi với bà sống như vợ chồng là không có mà chỉ quan hệ tình cảm yêu thương nhà ai nấy ở nên từ đó bà bịa đặt ra như vậy để lấy tiền và vàng của tôi. Hơn nữa, việc tôi cho bà Đ mượn tiền và vàng không có làm giấy tờ, cũng không có ai biết mà chỉ có tôi và bà Đ biết thôi.

Nay, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Đ phải trả cho tôi số tiền mượn còn thiếu là 50.000.000 đồng và 01 chỉ vàng 24k loại 9999, không yêu cầu tính lãi suất và trả một lần hết nợ.

Tại biên bản lấy lời khai đề ngày 10/01/2023 và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị Đ trình bày: Vào khoảng tháng 5/2021 thì tôi và ông N quen biết, sau đó nảy sinh tình cảm nên từ đó tôi với ông N sống như vợ chồng, có khi ông N ở nhà tôi qua đêm và tôi có lên nhà ông N chơi nhưng chỉ ở vào ban ngày. Đồng thời, chúng tôi sống với nhau đến tháng 10/2022 thì ông N có điện thoại cho tôi hai lần nhưng tôi không lên nhà ông N thì ông N kiện tôi. Theo ông N trình bày rút số tiền tiết kiệm là 95.550.000 đồng là đúng sự thật. Khi rút tiền về thì ông N cho tôi số tiền 50.000.000 đồng để trả nợ chứ ông không có cho tôi mượn. Hơn nữa, ông N trả nợ của ông là 22.000.000 đồng và số tiền còn lại ông N đưa cho tôi để mua 04 chỉ vàng 24k loại 9999.

Tôi xác định là ông N cho thẳng tôi 50.000.000 đồng để trả nợ chứ không có cho mượn hay gửi giữ dùm gì hết. Lý do ông N cho tôi 50.000.000 đồng vì tôi với ông N sống với nhau như vợ chồng thì ông mới cho tôi để trả nợ. Còn 01 chỉ vàng 24k là ông N cũng cho tôi để làm lại cộng dây chuyền chứ không có mượn. Hơn nữa, trước đây ông N nói thương tôi và sống như vợ chồng với tôi nay bỏ tôi đòi lại tiền và vàng thì tôi không đồng ý. Nay tôi xác định là có nhận của ông N số tiền là 50.000.000 đồng và 01 chỉ vàng 24k loại 9999 là đúng nhưng số tiền và vàng này tôi không có mượn của ông N mà ông N tự nguyện cho tôi.

Do đó, tôi không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông N là trả lại cho ông số tiền là 50.000.000 đồng và 01 chỉ vàng 24k loại 9999.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã tuân thủ các thủ tục về thụ lý vụ án, xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết của Tòa án cũng như các thủ tục hòa giải, thủ tục tố tụng tại phiên tòa là đúng theo quy định. Các đương sự chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các bên đương sự, cũng như tại phiên tòa hôm nay, đối chiếu với các quy định của pháp luật, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Cao Ngọc N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Đ trả số tiền và vàng mượn còn nợ nên quan hệ tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp kiện đòi lại tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thì thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa các đương sự không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì về việc mượn tiền và vàng.

[3] Về nội dung: Ông Cao Ngọc N khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Đ phải trả cho ông số tiền và vàng mượn còn thiếu là 50.000.000 đồng và 01 chỉ vàng 24k loại 9999 còn bà Đ thừa nhận có nhận của ông N số tiền là 50.000.000 đồng và 01 chỉ vàng 24k loại 9999 là đúng nhưng bà Đ cho rằng số tiền và vàng này là ông N cho bà Đ chứ bà không có mượn của ông N nên bà xác định hiện nay không mượn tiền và vàng của ông N.

Xét về yếu tố khởi kiện của ông Cao Ngọc N thấy rằng: Ông N thừa nhận ông và bà Đ có mối quan hệ tình cảm, yêu thương và ông cũng có ý định sống với bà Đ như vợ chồng. Từ đó, cho thấy ông có giao cho bà Đ số tiền là 95.550.000 đồng là số tiền mà ông rút tiền tiết kiệm của mình vì bà Đ thừa nhận. Hơn nữa, ông N đã trả nợ hết 22.000.000 đồng còn lại 73.550.000 đồng thì ông cũng giao cho bà Đ giữ. Sáu đó, ông và bà Đ lấy 23.550.000 đồng mua 04 chỉ vàng 24k loại 9999 còn lại 50.000.000 đồng thì ông N cũng giao cho bà Đ giữ cùng 04 chỉ vàng. Tuy nhiên, ông N cho rằng ông cho bà Đ mượn số tiền 50.000.000 đồng và 01 chỉ vàng nhưng ông không có chứng cứ để chứng minh là ông cho bà Đ mượn tiền và vàng của mình vì bà Đ không thừa nhận mượn tiền và vàng của ông N. Lẽ ra, khi ông N cho bà Đ mượn tiền và vàng thì ông phải làm giấy xác nhận mượn tiền và vàng để làm căn cứ chứng minh là bà Đ có mượn tiền và vàng nhưng ông không làm được điều này. Từ những phân tích trên cho thấy ông N tự nguyện cho bà Đ số tiền 50.000.000 đồng và 01 chỉ vàng 24k loại 9999 chứ ông không có cho bà Đ mượn. Do đó, HĐXX không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Cao Ngọc N.

Xét về trình bày của bà Nguyễn Thị Đ thì HĐXX thấy rằng: Bà thừa nhận ông N có đưa cho bà số tiền là 50.000.000 đồng để trả nợ và 01 chỉ vàng 24k loại 9999 để sửa lại dây chuyền là đúng. Đồng thời, bà Đ và ông N đều thừa nhận có tình cảm, yêu thương với nhau và sống như vợ chồng nên ông N cho bà số tiền và vàng trên chứ bà không có mượn tiền của ông N nên lời trình bày của bà là có căn cứ. Bởi vì, việc cho mượn tiền và vàng thì phải làm biên nhận hoặc có người làm chứng nhưng ông N không có chứng cứ gì chứng minh là bà Đ còn thiếu số tiền là 50.000.000 đồng và 01 chỉ vàng 24k loại 9999 này. Từ đó, cho thấy bà Đ không có mượn tiền và vàng của ông N mà ông tự nguyện cho bà Đ. Do đó, lời trình bày của bà Đ là có căn cứ để HĐXX chấp nhận.

[4] Về lỗi suất: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ông Cao Ngọc N không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[5] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát cũng đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi tài sản của ông Cao Ngọc N đối với bà Nguyễn Thị Đ nên lời đề nghị này của đại diện Viện kiểm sát có căn cứ và đúng pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[6] Từ những phân tích đánh giá trên cùng với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát và sau khi thảo luận, nghị án HĐXX không chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi lại tài sản của ông Cao Ngọc N đối với bà Nguyễn Thị Đ.

[7] Về án phí DSST: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 26 và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2014 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Do yêu cầu của ông Cao Ngọc N không được chấp nhận nên ông phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nhưng ông Cao Ngọc N thuộc diện người có công với cách mạng nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Đ không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 11, Điều 494 và Điều 688 của Bộ luật dân sự 2015; khoản 3 Điều 26 và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Cao Ngọc N đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Đ.

2. Về án phí DSST: Do yêu cầu của ông Cao Ngọc N không được chấp nhận nên ông phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nhưng ông Cao Ngọc N thuộc diện người có công với cách mạng nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Đ không phải chịu án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ngày 16/3/2023. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7, Điều 7a và Điều 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Gò Quao;
- Chi cục THADS huyện Gò Quao;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Hoài Thanh